

Bài 1:

User Story

"Là một người mua hàng trực tuyến, tôi muốn có thể thêm bất kỳ sản phẩm nào vào giỏ hàng để tôi dễ dàng so sánh, quản lý lựa chọn và mua nhiều sản phẩm trong một lần thanh toán."

- **Vai trò:** Người mua hàng trực tuyến
- **Mục tiêu:** Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
- **Lợi ích:** So sánh, quản lý và mua nhiều sản phẩm trong một giao dịch

Bài 2:

User Story

"Là một người mua sắm trực tuyến, tôi muốn có thể thanh toán đơn hàng của mình bằng các phương thức hiện đại như thẻ tín dụng hoặc ví điện tử để tôi có thể hoàn tất giao dịch nhanh chóng, đảm bảo an toàn và không cần sử dụng tiền mặt."

- **Vai trò:** Người mua sắm trực tuyến
- **Mục tiêu:** Thanh toán đơn hàng bằng thẻ tín dụng hoặc ví điện tử
- **Lợi ích:** Giao dịch nhanh, an toàn, tiện lợi, phù hợp xu hướng thanh toán số

Bài 3:

PRODUCT BACKLOG – Ứng dụng Quản Lý Công Việc

1: Tạo công việc mới

- **Mô tả:** Người dùng có thể tạo một công việc mới bằng cách nhập tiêu đề, mô tả, ngày bắt đầu, ngày kết thúc và mức độ ưu tiên.
- **Ưu tiên:** Must have
- **Story Points:** 3

2: Chỉnh sửa và cập nhật công việc

- **Mô tả:** Người dùng có thể chỉnh sửa lại các thông tin của công việc như tiêu đề, nội dung mô tả, trạng thái, hạn hoàn thành.
- **Ưu tiên:** Must have
- **Story Points:** 5

3: Đánh dấu công việc đã hoàn thành

- **Mô tả:** Người dùng có thể chuyển trạng thái công việc sang “Hoàn thành”, hiển thị khác biệt để dễ theo dõi.
- **Ưu tiên:** Must have

- **Story Points: 2**

4: Xóa công việc

- **Mô tả:** Người dùng có thể xóa một công việc khỏi danh sách. Hệ thống yêu cầu xác nhận để tránh xóa nhầm.
- **Ưu tiên:** Should have
- **Story Points: 2**

5: Xem danh sách công việc (theo trạng thái và hạn)

- **Mô tả:** Người dùng có thể xem danh sách công việc được sắp xếp theo trạng thái (Đang làm, Đã hoàn thành, Chưa bắt đầu) hoặc theo hạn hoàn thành.
- **Ưu tiên:** Must have
- **Story Points: 5**

6: Nhắc nhở công việc qua thông báo

- **Mô tả:** Hệ thống gửi thông báo khi công việc sắp đến hạn hoặc quá hạn.
- **Ưu tiên:** Could have
- **Story Points: 8**

Bài 4:

PRODUCT BACKLOG – Ứng dụng quản lý đặt vé sự kiện

1: Tìm kiếm sự kiện

- **Mô tả:** Người dùng có thể tìm kiếm sự kiện theo tên, thể loại (âm nhạc, hội thảo, thể thao...), địa điểm hoặc thời gian tổ chức.
- **Ưu tiên:** Must have
- **Story Points: 3**

2: Xem chi tiết sự kiện

- **Mô tả:** Người dùng có thể xem thông tin chi tiết của sự kiện gồm mô tả, giá vé, số lượng vé còn lại, địa điểm, thời gian, sơ đồ chỗ ngồi (nếu có).
- **Ưu tiên:** Must have
- **Story Points: 5**

3: Chọn loại vé và số lượng

- **Mô tả:** Người dùng có thể chọn loại vé (VIP, Standard, Early Bird...) và số lượng vé muốn mua trước khi đặt.

- **Ưu tiên:** Must have
- **Story Points:** 5

4: Thanh toán vé sự kiện

- **Mô tả:** Người dùng có thể thanh toán vé bằng nhiều phương thức như thẻ tín dụng, ví điện tử hoặc chuyển khoản ngân hàng.
- **Ưu tiên:** Must have
- **Story Points:** 8

5: Gửi vé điện tử qua email

- **Mô tả:** Sau khi thanh toán thành công, hệ thống sẽ gửi vé điện tử (QR code hoặc mã vé) đến email của người dùng.
- **Ưu tiên:** Should have
- **Story Points:** 3

6: Quản lý vé đã đặt (Lịch sử đặt vé)

- **Mô tả:** Người dùng có thể xem lại các vé đã đặt trước đây và tải lại vé nếu cần.
- **Ưu tiên:** Should have
- **Story Points:** 5

Bài 5:

Acceptance Criteria (A/C)

AC1 – Thêm sản phẩm vào giỏ hàng thành công

Given người dùng đang xem trang chi tiết sản phẩm

When người dùng nhấn vào nút “Thêm vào giỏ hàng”

Then sản phẩm phải được thêm vào giỏ và hiển thị trong danh sách giỏ hàng

And số lượng mặt hàng trong biểu tượng giỏ hàng được cập nhật tăng lên

AC2 – Giỏ hàng hiển thị đúng thông tin sản phẩm

Given giỏ hàng có ít nhất một sản phẩm

When người dùng mở trang giỏ hàng

Then giỏ hàng phải hiển thị đúng tên sản phẩm, hình ảnh, giá, số lượng và tổng tiền tạm tính

AC3 – Không thể thêm sản phẩm khi hết hàng

Given sản phẩm đã hết hàng và hệ thống hiển thị trạng thái “Hết hàng”

When người dùng cố nhấn “Thêm vào giỏ hàng”

Then hệ thống phải chặn thao tác và hiển thị thông báo “Sản phẩm đã hết hàng, không thể thêm vào giỏ”

AC4 – Thêm cùng một sản phẩm nhiều lần

Given người dùng đã có sản phẩm A trong giỏ
When người dùng nhấn “Thêm vào giỏ hàng” lần nữa
Then số lượng của sản phẩm A phải tăng lên
And tổng giá được cập nhật lại chính xác

Bài 6:

Phân loại MoSCoW – Product Backlog (Ứng dụng quản lý công việc)

1. MUST HAVE (Phải có)

Những tính năng cốt lõi – thiếu là không dùng được ứng dụng.

PB 1: Tạo công việc mới

- Cho phép người dùng thêm công việc với tiêu đề, mô tả, ngày hạn.
- **Story Points: 3**

PB 2: Chỉnh sửa và cập nhật công việc

- Người dùng chỉnh sửa nội dung, trạng thái, hạn hoàn thành.
- **Story Points: 5**

PB 3: Xem danh sách công việc

- Hiển thị công việc theo trạng thái/hạn.
- **Story Points: 5**

2. SHOULD HAVE (Nên có)

Quan trọng nhưng có thể làm sau khi Must Have hoàn thành.

PB 4: Đánh dấu công việc đã hoàn thành

- Cho phép cập nhật trạng thái “Hoàn thành”.
- **Story Points: 2**

PB 5: Xóa công việc

- Xóa công việc, có bước xác nhận.
- **Story Points: 2**

3. COULD HAVE (Có thể có)

Tính năng bổ sung, làm ứng dụng tốt hơn nhưng không bắt buộc.

PB 6: Nhắc nhở công việc qua thông báo

- Gửi thông báo khi gần đến hạn hoặc quá hạn.
- **Story Points: 8**

4. WON'T HAVE (Không cần có trong Sprint này)

Không bắt buộc, không làm ở giai đoạn này.

PB 7 (Thêm mới): Gán màu cho từng loại công việc

- Người dùng có thể chọn màu (label color) cho từng nhóm công việc.
- **Story Points:** 3
- → Tính năng mang tính thẩm mỹ, không ảnh hưởng chức năng chính.

Bài 7: User Story

- **Vai trò:** Người mua hàng trực tuyến
- **Mục tiêu:** Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
- **Lợi ích:** So sánh, quản lý lựa chọn và mua nhiều sản phẩm trong một lần thanh toán

Acceptance Criteria (Gherkin, liệt kê ý)

1. Thêm sản phẩm thành công

- **Given:** Người dùng đang xem trang chi tiết sản phẩm
- **When:** Nhấn nút “Thêm vào giỏ hàng”
- **Then:** Hệ thống thêm sản phẩm vào giỏ
- **Then:** Hiển thị thông báo “Sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng”

2. Cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ

- **Given:** Giỏ hàng có X sản phẩm
- **When:** Thêm 1 sản phẩm mới
- **Then:** Số lượng sản phẩm trong giỏ tăng thành $X + 1$

3. Không thêm sản phẩm hết hàng

- **Given:** Sản phẩm đang xem đã hết hàng
- **When:** Nhấn nút “Thêm vào giỏ hàng”
- **Then:** Sản phẩm không được thêm
- **Then:** Hiển thị thông báo “Sản phẩm này hiện đã hết hàng”

4. Thêm nhiều lần cùng sản phẩm

- **Given:** Giỏ hàng đã có sản phẩm A với số lượng N
- **When:** Thêm sản phẩm A lần nữa
- **Then:** Số lượng sản phẩm A tăng thành $N + 1$

Bài 8:

Definition of Done (DoD) cho User Story: “Thêm sản phẩm vào giỏ hàng”

- 1. **Code hoàn chỉnh và chạy ổn định**
 - Tất cả chức năng thêm sản phẩm, cập nhật số lượng, kiểm tra hết hàng được triển khai đầy đủ.
 - Không có lỗi nghiêm trọng khi người dùng thao tác.
- 2. **Acceptance Criteria được kiểm thử thành công**
 - Tất cả các AC (thêm sản phẩm, cập nhật số lượng, sản phẩm hết hàng, thêm nhiều lần cùng sản phẩm) đã được kiểm thử và đạt kết quả mong đợi.
- 3. **Giao diện người dùng thân thiện và thông báo rõ ràng**
 - Nút “Thêm vào giỏ hàng” hoạt động đúng.
 - Các thông báo (thêm thành công, hết hàng) hiển thị chính xác và dễ hiểu.
- 4. **Không gây lỗi hệ thống hoặc xung đột dữ liệu**
 - Giỏ hàng luôn cập nhật đúng số lượng sản phẩm.
 - Không xảy ra tình trạng trùng lặp dữ liệu hoặc lỗi khi thêm nhiều lần cùng sản phẩm.
- 5. **Được review và phê duyệt bởi Product Owner/Team**
 - Code, tính năng và UI đã được review.
 - Product Owner xác nhận User Story đạt yêu cầu và có thể triển khai.
- 6. **Được document đầy đủ (nếu cần)**
 - Các thay đổi liên quan đến giỏ hàng được ghi chú trong tài liệu thiết kế hoặc wiki của dự án.
- 7. **Tích hợp và chạy tốt trong môi trường thực tế**
 - Tính năng thêm sản phẩm hoạt động trên tất cả các môi trường (dev, staging, production).

Bài 9:

1. Phân loại Product Backlog theo MoSCoW

Yêu cầu	Mức độ MoSCoW	Lý do
1. Thêm công việc mới vào danh sách	Must have	Đây là chức năng cốt lõi của ứng dụng quản lý công việc; không có nó, ứng dụng không thực hiện được mục tiêu chính.
2. Đánh dấu công việc đã hoàn thành	Must have	Người dùng cần theo dõi tiến độ; chức năng này là cơ bản để quản lý hiệu quả.

Yêu cầu	Mức độ MoSCoW	Lý do
3. Xóa công việc	Should have	Quan trọng nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến việc quản lý công việc hiện tại; có thể thêm sau khi tính năng cơ bản hoàn thiện.
4. Chỉnh sửa mô tả công việc	Should have	Giúp người dùng cập nhật thông tin, tăng trải nghiệm, nhưng không bắt buộc cho phiên bản đầu tiên.
5. Sắp xếp công việc theo độ ưu tiên	Could have	Tăng tiện ích và trải nghiệm, nhưng không ảnh hưởng đến chức năng chính.
6. Nhắc nhở công việc qua thông báo	Could have	Tính năng nâng cao, tăng giá trị nhưng không bắt buộc trong Sprint đầu tiên.
7. Chia sẻ công việc với người khác	Won't have (cho phiên bản này)	Không phải nhu cầu cấp thiết, có thể đưa vào phiên bản sau.

2. Đánh giá và cải tiến mức độ ưu tiên

- **Thay đổi “Xóa công việc” từ Must have → Should have:**
 - Trước đây, nhóm đặt tất cả các tính năng liên quan đến công việc là “Must have”. Sau khi đánh giá, nhận thấy việc xóa công việc không làm gián đoạn chức năng chính, nên chuyển thành “Should have” để tập trung Sprint đầu vào các tính năng cốt lõi.
- **Thêm “Sắp xếp công việc theo độ ưu tiên” và “Nhắc nhở” vào Could have:**
 - Đây là các tính năng nâng cao, cải thiện trải nghiệm người dùng nhưng không ảnh hưởng đến chức năng quản lý công việc cơ bản. Nhóm quyết định đưa vào danh mục “Could have” để cân nhắc cho Sprint tương lai nếu còn dư nguồn lực.
- **“Chia sẻ công việc với người khác” vào Won’t have:**
 - Đánh giá đây là tính năng không cấp thiết cho phiên bản hiện tại, tránh làm quá tải Product Backlog. Nhóm sẽ xem xét lại trong các phiên bản tiếp theo.

3. Kết luận

- Sử dụng MoSCoW giúp nhóm **tập trung nguồn lực vào các tính năng quan trọng nhất** (Must have) trước.
- Các tính năng hỗ trợ trải nghiệm nhưng không bắt buộc được phân loại thành Should/Could, giúp **Sprint có trọng tâm rõ ràng và khả năng hoàn thành cao hơn**.
- Won’t have giúp loại bỏ những tính năng ít quan trọng ra khỏi Sprint hiện tại, tránh gây lãng phí thời gian.

Bài 10:

1. User Stories + Acceptance Criteria

User Story 1 – Thêm công việc mới

- **As a** người dùng quản lý công việc
- **I want** thêm công việc mới vào danh sách
- **So that** tôi có thể theo dõi các nhiệm vụ cần hoàn thành

Acceptance Criteria

1. **Given:** Người dùng đang ở trang danh sách công việc
When: Nhấn nút “Thêm công việc” và điền thông tin
Then: Công việc mới được lưu và hiển thị trong danh sách
2. **Given:** Người dùng nhập tiêu đề trống
When: Nhấn “Lưu”
Then: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi “Tiêu đề không được để trống”
3. **Given:** Người dùng nhập đầy đủ thông tin hợp lệ
When: Nhấn “Lưu”
Then: Công việc được thêm và ngày tạo được hiển thị

MoSCoW: Must have

- **Lý do:** Đây là tính năng cốt lõi, không có nó ứng dụng không thực hiện được mục tiêu chính.

User Story 2 – Đánh dấu công việc đã hoàn thành

- **As a** người dùng quản lý công việc
- **I want** đánh dấu công việc đã hoàn thành
- **So that** tôi có thể biết công việc nào đã hoàn tất và theo dõi tiến độ

Acceptance Criteria

1. **Given:** Công việc đang ở trạng thái “Chưa hoàn thành”
When: Người dùng nhấn checkbox hoàn thành
Then: Trạng thái công việc chuyển thành “Hoàn thành”
2. **Given:** Công việc đã hoàn thành
When: Người dùng bỏ chọn checkbox
Then: Trạng thái công việc trở lại “Chưa hoàn thành”
3. **Given:** Danh sách công việc có nhiều mục
When: Đánh dấu một công việc hoàn thành
Then: Tổng số công việc chưa hoàn thành được cập nhật

MoSCoW: Must have

- **Lý do:** Quan trọng để theo dõi tiến độ công việc; chức năng cốt lõi của ứng dụng.

User Story 3 – Xóa công việc

- **As a** người dùng quản lý công việc
- **I want** xóa các công việc không còn cần thiết
- **So that** danh sách công việc luôn gọn gàng và dễ quản lý

Acceptance Criteria

1. **Given:** Công việc đang hiển thị trong danh sách
When: Người dùng nhấn nút “Xóa”
Then: Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận
2. **Given:** Người dùng xác nhận xóa
When: Nhấn “OK”
Then: Công việc bị xóa khỏi danh sách
3. **Given:** Người dùng hủy thao tác xóa
When: Nhấn “Hủy”
Then: Công việc vẫn còn trong danh sách

MoSCoW: Should have

- **Lý do:** Tính năng quan trọng nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến chức năng cốt lõi; có thể thêm sau.

User Story 4 – Sắp xếp công việc theo ưu tiên

- **As a** người dùng quản lý công việc
- **I want** sắp xếp các công việc theo mức độ ưu tiên
- **So that** tôi tập trung hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng trước

Acceptance Criteria

1. **Given:** Danh sách công việc có nhiều mức độ ưu tiên
When: Người dùng chọn “Sắp xếp theo ưu tiên”
Then: Công việc được sắp xếp từ cao → thấp
2. **Given:** Người dùng thêm công việc mới với mức độ ưu tiên
When: Thêm công việc
Then: Danh sách tự động cập nhật thứ tự ưu tiên
3. **Given:** Danh sách công việc thay đổi
When: Người dùng nhấn “Sắp xếp lại”
Then: Danh sách được sắp xếp đúng mức độ ưu tiên

MoSCoW: Could have

- **Lý do:** Tăng tiện ích và trải nghiệm, nhưng không ảnh hưởng đến chức năng chính; tính năng nâng cao.

User Story 5 – Nhắc nhở công việc

- **As a** người dùng quản lý công việc
- **I want** nhận thông báo nhắc nhở công việc sắp đến hạn
- **So that** tôi không bỏ lỡ các nhiệm vụ quan trọng

Acceptance Criteria

1. **Given:** Công việc có ngày hết hạn
When: Đến thời gian nhắc nhở đã cài đặt
Then: Hệ thống gửi thông báo đến người dùng
2. **Given:** Người dùng tắt nhắc nhở cho một công việc
When: Đến thời gian nhắc nhở
Then: Không có thông báo được gửi
3. **Given:** Người dùng thay đổi thời gian nhắc nhở
When: Đến thời gian mới
Then: Thông báo được gửi đúng thời gian

MoSCoW: Could have

- **Lý do:** Nâng cao trải nghiệm người dùng, không bắt buộc cho phiên bản đầu tiên.

2. Tổng hợp MoSCoW cho Product Backlog

User Story	MoSCoW	Lý do
Thêm công việc mới	Must have	Chức năng cốt lõi của ứng dụng
Đánh dấu công việc hoàn thành	Must have	Theo dõi tiến độ công việc
Xóa công việc	Should have	Hữu ích nhưng không bắt buộc
Sắp xếp công việc theo ưu tiên	Could have	Tăng trải nghiệm người dùng
Nhắc nhở công việc	Could have	Nâng cao trải nghiệm, không cần thiết ngay